

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
(Áp dụng cho đơn vị sử dụng nước)

A. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên đơn vị sử dụng nước: Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam / Nhà máy tại Hồ Chí Minh.
- 2. Địa chỉ: Lô II-3 Đường CN 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3. Công suất bể chứa: Hệ 1=30 m<sup>3</sup>, Hệ 2 = 40 m<sup>3</sup> / Tổng số dân được cung cấp nước
- 4. Tên đơn vị cấp nước: Công Ty CP Sản Xuất Dịch Vụ Tân Bình Tanimex – Tp.Hồ Chí Minh.
- 5. Thời gian kiểm tra: ngày 16 tháng 07 năm 2025.
- 6. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Mẫu nước cấp sau xử lý ở bể chứa nước nhà má Hồ Chí Minh hệ 1 lúc 10h10.  
Mẫu 2: Mẫu nước cấp sau xử lý ở bể chứa nước nhà máy Hồ Chí Minh hệ 2 lúc 10h30  
Mẫu 3: Mẫu nước cấp tại van nước khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM1, mã 1VP/HCM1 lúc 10h45

B. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

| TT                              | Mã số mẫu, lấy mẫu<br>Các thông số             | 1                     | 2                     | 3                     | Đơn vị tính                  | Giới hạn tối đa<br>cho phép | Đánh giá<br>(đạt/không<br>đạt) |
|---------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|
| Thông số nhóm A                 |                                                |                       |                       |                       |                              |                             |                                |
| a. Thông số vi sinh vật         |                                                |                       |                       |                       |                              |                             |                                |
| 1                               | Coliform tổng số                               | < 1                   | < 1                   | < 1                   | CFU/100 mL<br>hoặc MPN/100mL | < 1                         | Đạt                            |
| 2                               | E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt               | < 1                   | < 1                   | < 1                   | CFU/100 mL<br>hoặc MPN/100mL | < 1                         | Đạt                            |
| b. Thông số cảm quan và hoá học |                                                |                       |                       |                       |                              |                             |                                |
| 3                               | Màu sắc                                        | < 5                   | < 5                   | < 5                   | TCU                          | 15                          | Đạt                            |
| 4                               | Mùi                                            | Không<br>có<br>mùi lạ | Không<br>có<br>mùi lạ | Không<br>có<br>mùi lạ | -                            | Không có mùi lạ             | Đạt                            |
| 5                               | pH                                             | 6,3                   | 6,1                   | 6,3                   | -                            | Trong khoảng<br>6,0-8,5     | Đạt                            |
| 6                               | Độ đục                                         | KPH                   | KPH                   | KPH                   | NTU                          | 2                           | Đạt                            |
| 7                               | Asen (Arsenic) (As)                            | KPH                   | KPH                   | KPH                   | mg/L                         | 0,01                        | Đạt                            |
| 8                               | Clo dư tự do                                   | 0,2                   | 0,2                   | 0,2                   | mg/L                         | Trong khoảng<br>0,2- 1,0    | Đạt                            |
| 9                               | Permanganat                                    | KPH                   | KPH                   | KPH                   | mg/L                         | 2                           | Đạt                            |
| 10                              | Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)                | KPH                   | KPH                   | KPH                   | mg/L                         | 1                           | Đạt                            |
| Thông số nhóm B                 |                                                |                       |                       |                       |                              |                             |                                |
| 1                               | Trực khuẩn mủ xanh<br>(Pseudomonas aeruginosa) | < 1                   | < 1                   | < 1                   | CFU/100mL                    | < 1                         | Đạt                            |
| 2                               | Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)            | < 1                   | < 1                   | < 1                   | CFU/100mL                    | < 1                         | Đạt                            |

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có)

Không có.

Đ. ĐỀ NGHỊ (nếu có):

Không có.

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2025  
Nhà máy HCM  
(Ký, ghi rõ họ tên)



KT3-04236BMT5/1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

23/07/2025  
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu  
*Name of sample* : MẪU NƯỚC CẤP SAU XỬ LÝ Ở BỂ CHỨA NƯỚC NHÀ MÁY  
HỒ CHÍ MINH HỆ 1  
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình  
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Tp. HCM  
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước đầu nguồn hệ 1  
Ngày lấy mẫu: 10h10 - 16/07/2025  
Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Mô tả mẫu  
*Description* :  
- Dạng mẫu: lỏng;  
*Form: the liquid;*  
- Số đơn vị/mẫu: 03 x 1 L + 01 x 1 L;  
*Unit/sample: 03 x 1 L + 01 x 1 L;*  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai thủy tinh;  
*Container: plastic bottle, glass bottle;*  
- Lấy mẫu theo biên bản lấy mẫu ngày 16/07/2025./ *Sampling according to sampling record dated 16/07/2025.*
- Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
- Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 16/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 16/07/2025 – 23/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
*Customer* : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
*Testing results* : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3072 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 02 / 03

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                                       | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method                   | Mức chất<br>lượng<br>Specified<br>level<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả<br>thử<br>nghiệm<br>Test<br>result   | Giới hạn<br>phát hiện<br>Limit of<br>detection |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7.1     | Độ màu<br>Color                                                                                                      | Pt.Co          | TCVN 6185:2015                                   | 15                                                                | KPH                                          | 5,0                                            |
| 7.2     | Mùi (*)<br>Odor                                                                                                      | -              | SMEWW<br>2150C:2023                              | Không có<br>mùi lạ/ No<br>strange odor                            | Không có<br>mùi lạ/<br>No<br>strange<br>odor | -                                              |
| 7.3     | Độ đục<br>Turbidity                                                                                                  | NTU            | SMEWW<br>2130B:2023                              | 2                                                                 | KPH                                          | 0,5                                            |
| 7.4     | Độ pH (tại 25 °C) (*)<br>pH value (at 25 °C)                                                                         | -              | TCVN 6492:2011                                   | Trong<br>khoảng 6,0 -<br>8,5                                      | 6,3                                          | -                                              |
| 7.5     | Hàm lượng amoni<br>(NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> /NH <sub>3</sub> ) (tính theo<br>N)<br>Ammonium nitrogen<br>content | mg/L           | US EPA Method<br>350.2 (So màu/<br>Colorimetric) | 1                                                                 | KPH                                          | 0,1                                            |
| 7.6     | Hàm lượng asen (As)<br>Arsenic content                                                                               | mg/L           | US EPA Method<br>200.8                           | 0,01                                                              | KPH                                          | 0,0005                                         |
| 7.7     | Chỉ số permanganate<br>Permanganate index                                                                            | mg/L           | TCVN 6186:1996                                   | 2                                                                 | KPH                                          | 1,0                                            |
| 7.8     | Hàm lượng clo dư tự do<br>(Cl <sub>2</sub> ) (*)<br>Free chlorine content                                            | mg/L           | TCVN 6225-<br>2:2021                             | Trong<br>khoảng 0,2 -<br>1,0                                      | 0,2                                          | -                                              |
| 7.9     | Tổng số coliform<br>Total coliform                                                                                   | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.10    | Escherichia coli                                                                                                     | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.11    | Staphylococcus aureus                                                                                                | CFU/100<br>mL  | SMEWW 9213B<br>(Ed. 24)                          | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.12    | Pseudomonas<br>aeruginosa                                                                                            | CFU/100<br>mL  | TCVN 8881:2011<br>(ISO 16266:2006)               | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai LZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 04 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 03 / 03

**Ghi chú/ Notice:**

(\*\*\*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(\*): Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/07/2025./ Field analysis index on date 16/07/2025

3



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.



KT3-04236BMT5/2

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

23/07/2025  
Trang/ Page 01 / 03

1. Tên mẫu  
Name of sample : MẪU NƯỚC CẤP SAU XỬ LÝ Ở BỂ CHỨA NƯỚC NHÀ MÁY  
HỒ CHÍ MINH HỆ 2  
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình  
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí  
Minh, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Tp. HCM  
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước đầu nguồn hệ 2  
Ngày lấy mẫu: 10h30 - 16/07/2025  
Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Sample name  
and sample information were supplied by customer.
2. Mô tả mẫu  
Description : - Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 03 x 1 L + 01 x 1 L;  
Unit/sample: 03 x 1 L + 01 x 1 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai thủy tinh;  
Container: plastic bottle, glass bottle;  
- Lấy mẫu theo biên bản lấy mẫu ngày 16/07/2025./ Sampling  
according to sampling record dated 16/07/2025.
3. Số lượng mẫu : 01  
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 16/07/2025  
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 16/07/2025 – 23/07/2025  
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Customer Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page  
Testing results

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB



Phạm Thanh Trung





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 61/11 Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 02 / 03

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                                       | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method                   | Mức chất<br>lượng<br>Specified<br>level<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả<br>thử<br>nghiệm<br>Test<br>result   | Giới hạn<br>phát hiện<br>Limit of<br>detection |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7.1     | Độ màu<br>Color                                                                                                      | Pt.Co          | TCVN 6185:2015                                   | 15                                                                | KPH                                          | 5,0                                            |
| 7.2     | Mùi (*)<br>Odor                                                                                                      | -              | SMEWW<br>2150C:2023                              | Không có<br>mùi lạ/ No<br>strange odor                            | Không có<br>mùi lạ/<br>No<br>strange<br>odor | -                                              |
| 7.3     | Độ đục<br>Turbidity                                                                                                  | NTU            | SMEWW<br>2130B:2023                              | 2                                                                 | KPH                                          | 0,5                                            |
| 7.4     | Độ pH (tại 25 °C) (*)<br>pH value (at 25 °C)                                                                         | -              | TCVN 6492:2011                                   | Trong<br>khoảng 6,0 -<br>8,5                                      | 6,1                                          | -                                              |
| 7.5     | Hàm lượng amoni<br>(NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> /NH <sub>3</sub> ) (tính theo<br>N)<br>Ammonium nitrogen<br>content | mg/L           | US EPA Method<br>350.2 (So màu/<br>Colorimetric) | 1                                                                 | KPH                                          | 0,1                                            |
| 7.6     | Hàm lượng asen (As)<br>Arsenic content                                                                               | mg/L           | US EPA Method<br>200.8                           | 0,01                                                              | KPH                                          | 0,0005                                         |
| 7.7     | Chỉ số permanganate<br>Permanganate index                                                                            | mg/L           | TCVN 6186:1996                                   | 2                                                                 | KPH                                          | 1,0                                            |
| 7.8     | Hàm lượng clo dư tự do<br>(Cl <sub>2</sub> ) (*)<br>Free chlorine content                                            | mg/L           | TCVN 6225-<br>2:2021                             | Trong<br>khoảng 0,2 -<br>1,0                                      | 0,2                                          | -                                              |
| 7.9     | Tổng số coliform<br>Total coliform                                                                                   | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.10    | Escherichia coli                                                                                                     | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.11    | Staphylococcus aureus                                                                                                | CFU/100<br>mL  | SMEWW 9213B<br>(Ed. 24)                          | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.12    | Pseudomonas<br>aeruginosa                                                                                            | CFU/100<br>mL  | TCVN 8881:2011<br>(ISO 16266:2006)               | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025

Trang/ Page 03 / 03

**Ghi chú/ Notice:**

(\*\*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(\*): Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/07/2025./ Field analysis index on date 16/07/2025

2

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu  
Name of sample : MẪU NƯỚC CẤP TẠI VAN NƯỚC KHU VỰC PHÒNG TRỘN BỘT, PHỤ GIA, CHIẾT NGHỆ TRONG PHÂN XƯỞNG MÌ NHÀ MÁY HCM 01. MÃ 1 VP/HCM1  
Ký hiệu mẫu: Nước cấp KCN Tân Bình  
Địa chỉ lấy mẫu: Công ty CP Acecook VN – Nhà máy tại Hồ Chí Minh, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Tp. HCM  
Vị trí lấy mẫu: Van nước cấp vào khu vực phòng trộn bột, phụ gia, chiết nghệ trong phân xưởng mì nhà máy HCM 01  
Ngày lấy mẫu: 10h45 - 16/07/2025  
Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Sample name and sample information were supplied by customer.
- Mô tả mẫu  
Description : - Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 03 x 1 L + 01 x 1 L;  
Unit/sample: 03 x 1 L + 01 x 1 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai thủy tinh;  
Container: plastic bottle, glass bottle;  
- Lấy mẫu theo biên bản lấy mẫu ngày 16/07/2025./ Sampling according to sampling record dated 16/07/2025.
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 16/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 16/07/2025 – 23/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM  
Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm  
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB



Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam 0 Hong Bang, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 02 / 03

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                                                       | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method                   | Mức chất<br>lượng<br>Specified<br>level<br>QCVN 01-<br>1:2024/BYT | Kết quả<br>thử<br>nghiệm<br>Test<br>result   | Giới hạn<br>phát hiện<br>Limit of<br>detection |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7.1     | Độ màu<br>Color                                                                                                      | Pt.Co          | TCVN 6185:2015                                   | 15                                                                | KPH                                          | 5,0                                            |
| 7.2     | Mùi (*)<br>Odor                                                                                                      | -              | SMEWW<br>2150C:2023                              | Không có<br>mùi lạ/ No<br>strange odor                            | Không có<br>mùi lạ/<br>No<br>strange<br>odor | -                                              |
| 7.3     | Độ đục<br>Turbidity                                                                                                  | NTU            | SMEWW<br>2130B:2023                              | 2                                                                 | KPH                                          | 0,5                                            |
| 7.4     | Độ pH (tại 25 °C) (*)<br>pH value (at 25 °C)                                                                         | -              | TCVN 6492:2011                                   | Trong<br>khoảng 6,0 -<br>8,5                                      | 6,3                                          | -                                              |
| 7.5     | Hàm lượng amoni<br>(NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> /NH <sub>3</sub> ) (tính theo<br>N)<br>Ammonium nitrogen<br>content | mg/L           | US EPA Method<br>350.2 (So màu/<br>Colorimetric) | 1                                                                 | KPH                                          | 0,1                                            |
| 7.6     | Hàm lượng asen (As)<br>Arsenic content                                                                               | mg/L           | US EPA Method<br>200.8                           | 0,01                                                              | KPH                                          | 0,0005                                         |
| 7.7     | Chỉ số permanganate<br>Permanganate index                                                                            | mg/L           | TCVN 6186:1996                                   | 2                                                                 | KPH                                          | 1,0                                            |
| 7.8     | Hàm lượng clo dư tự do<br>(Cl <sub>2</sub> ) (*)<br>Free chlorine content                                            | mg/L           | TCVN 6225-<br>2:2021                             | Trong<br>khoảng 0,2 -<br>1,0                                      | 0,2                                          | -                                              |
| 7.9     | Tổng số coliform<br>Total coliform                                                                                   | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.10    | Escherichia coli                                                                                                     | CFU/100<br>mL  | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016                  | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.11    | Staphylococcus aureus                                                                                                | CFU/100<br>mL  | SMEWW 9213B<br>(Ed. 24)                          | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |
| 7.12    | Pseudomonas<br>aeruginosa                                                                                            | CFU/100<br>mL  | TCVN 8881:2011<br>(ISO 16266:2006)               | < 1                                                               | < 1(***)                                     | -                                              |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) - Website: [www.quatest3.com.vn](http://www.quatest3.com.vn)  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 C5C, Vietnam 0 C5 lot, Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04236BMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

23/07/2025  
Trang/ Page 03 / 03

**Ghi chú/ Notice:**

(\*\*\*): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National Technical Regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(\*): Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 16/07/2025./ Field analysis index on date 16/07/2025

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) for further information about test report.

